TÒA ÁN NH DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 3 - 2024
V/v không công nhận vợ chồng

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Hàng Bích Trâm
Các Hội thẩm nH dân: Bà Cao Hồng Cẩm
Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nH dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nH dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 534/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương A; Sinh năm: 1990 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HD, Xã NH, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn G. Sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã AX, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương A trình bày:

Về hôn nH: Năm 2013 bà A và ông Nguyễn Văn G có sống chung như vợ chồng và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, tuy nhiên ông G và bà A đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Lý do không đăng ký kết hôn là do không am hiểu pháp luật. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thường hay cãi vã với nhau. Bà A và ông G đã ly tH từ năm 2020 đến nay không còn sống chung. Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông G.

Về con chung: Quá trình chung sống bà A và ông G chỉ có một người con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 07/3/2014. Con chung hiện nay đang sống

chung với bà A. Khi ly hôn bà A yêu cầu được nuôi con chung là cháu H, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà A xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà A xác định vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ lại.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Nguyễn Văn G đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Trương A có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về hôn nH*: Năm 2013, bà Trương A và ông Nguyễn Văn G tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nH và gia đình thì hôn nH giữa ông bà không có giá trị pháp lý. Do đó không công nhận bà A và ông G là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung*: Có một con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 07/3/2014 hiện đang sống với bà A. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nH và gia đình quy định "...nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con", tại văn bản ghi nhận ý kiến của con khi cha mẹ ly hôn ngày 20/3/2024 thể hiện cháu Nguyễn Ngọc H có nguyện vọng sống với mẹ là bà A. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung tên Nguyễn Ngọc H cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có nên không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí*: Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nH và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nH và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nH: Không công nhận bà Trương A và ông Nguyễn Văn G là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 07/3/2014 cho bà Trương A trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Trương A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nH và gia đình sơ thẩm. Ngày 29/9/2023, bà Trương A đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008317 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hàng Bích Trâm

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.